

NGHỊ QUYẾT

Về ban hành giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Ninh quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Khám, chữa bệnh năm 2009; Luật Giá năm 2012; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Thông tư số 16/2021/TT-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2; Quyết định số 5160/QĐ-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;

Xét Tờ trình số 8425/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 đối với các trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Ninh quản lý.

1. Phạm vi áp dụng: Nghị quyết này quy định về giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước do tỉnh Quảng Ninh quản lý.


2. Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Thời gian thực hiện: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.


Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, chỉ đạo các cơ sở y tế tổ chức mua sắm vật tư, hóa chất và sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2 theo thực tế sử dụng và đúng quy định của pháp luật về đấu thầu, bảo đảm chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí, tiêu cực.

2. Thường trực, các ban, các tổ và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2021 - 2026 giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ 09 tháng 12 năm 2021. / 

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: Tài chính; Y tế, Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS(P1). 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Kỳ

PHỤ LỤC. MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2 (CHỨA BAO GỒM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM) KHÔNG THUỘC PHẠM VI THANH TOÁN CỦA QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ TRONG CÁC CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CỦA NHÀ NƯỚC DO TỈNH QUẢNG NINH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 69/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

DVT: đồng./.

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	MỨC GIÁ
I	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh	16.400
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/ bán tự động	38.500
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm	165.600
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	63.200
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	102.400
IV	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp, gồm	
1	Trường hợp gộp ≤ 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	92.400
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	31.600
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	60.800
2	Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	70.500
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	30.200
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	40.300
3	Trường hợp gộp ≤ 5 mẫu tại phòng xét nghiệm	138.900
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	65.900
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	73.000
4	Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm	118.400
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	66.800
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	51.600

72